

Số: 424/QĐ - ĐHTCQTKD

Hưng Yên, ngày 26 tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định đối sánh, so chuẩn chất lượng giáo dục
của Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Căn cứ Điều lệ trường đại học ban hành theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 1320/QĐ - TTg ngày 18/09/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập trường Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh trực thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 2910/QĐ - BTC ngày 14/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của Trường Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh;

Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng.

QUYẾT ĐỊNH

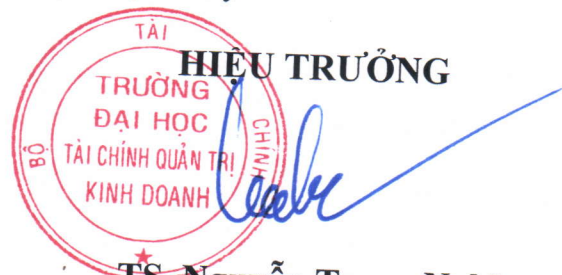
Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định đối sánh, so chuẩn chất lượng giáo dục của Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Những quyết định trước trái với quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Các ông (bà) trưởng các đơn vị, cán bộ, giảng viên và người học trong nhà trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Ban giám hiệu;
- Website trường;
- Lưu: VT, P.KT&QLCL.



TS. Nguyễn Trọng Nghĩa

QUY ĐỊNH

Đối sánh, so chuẩn chất lượng giáo dục của Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh

(Kèm theo Quyết định số 424/QĐ-ĐHTCQTKD ngày 26 tháng 12 năm 2020 của
Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Các khái niệm

- Đối sánh: Là một quá trình nhằm giúp nhà trường nâng cao chất lượng giáo dục bằng cách tìm hiểu, so sánh, đối chiếu, phân tích các nội dung đã chọn với một cơ sở giáo dục khác trong hoặc ngoài nước có sự vượt trội về các nội dung đối sánh đồng thời mang những đặc tính tương đồng.

- So chuẩn: Là quá trình so sánh tiêu chuẩn chất lượng được cơ sở giáo dục sử dụng đối với một lĩnh vực với tiêu chuẩn chất lượng cùng lĩnh vực của cơ sở giáo dục khác.

- Chất lượng của cơ sở giáo dục: Là sự đáp ứng mục tiêu do cơ sở giáo dục đề ra, đảm bảo các yêu cầu về mục tiêu giáo dục của Luật giáo dục đại học, phù hợp với yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- Văn bản này quy định về nội dung, đối tác, quy trình, thủ tục tổ chức hoạt động đối sánh chất lượng giáo dục tại Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh.

- Văn bản này áp dụng cho cán bộ, giảng viên, người lao động và người học trong toàn trường.

Chương II HÌNH THỨC, NỘI DUNG, ĐỐI TÁC VÀ QUY TRÌNH ĐỐI SÁNH

Điều 3. Hình thức đối sánh

- Đối sánh nội bộ: Là hình thức đối sánh số liệu giữa các đơn vị trực thuộc trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh theo định kỳ mỗi năm tài chính.

- Đối sánh ngoài: Là hình thức đối sánh số liệu của Trường Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh với cơ sở giáo dục đại học khác theo định kỳ.

Điều 4. Nguyên tắc đối sánh

- Việc đối sánh cơ sở giáo dục được thực hiện dựa trên việc so sánh và phân tích dữ liệu cần đối sánh của cùng cơ sở giáo dục hoặc giữa các cơ sở giáo dục tương ứng trong nước/quốc tế (theo mẫu báo cáo kèm theo).

- Việc đối sánh chương trình đào tạo được thực hiện dựa trên việc so sánh và phân tích dữ liệu giữa năm trước, năm sau hoặc vài năm của cùng chương trình đào tạo hoặc giữa các chương trình đào tạo của cơ sở giáo dục hoặc với các chương trình đào tạo tương ứng trong nước/quốc tế (theo mẫu báo cáo kèm theo).

Điều 5. Nội dung đối sánh

- Căn cứ lựa chọn nội dung đối sánh: Quy định chuẩn quốc gia đối với cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư 24/2015/TT-BGDĐT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục; Quy định về đào tạo chất lượng cao trình độ đại học kèm theo Thông tư 23/2014; Thông tư 04/2016 và Thông tư 12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Nội dung đối sánh: Là các số liệu về cơ sở vật chất, đội ngũ, hoạt động đào tạo, tài chính, nghiên cứu khoa học hợp tác quốc tế, kết nối, phục vụ cộng đồng cùng các kết quả của các hoạt động, cụ thể như sau:

STT	Nội dung	Đối sánh nội bộ	Đối sánh ngoài
1. Cơ sở vật chất			
	Diện tích đất (diện tích được giao, diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo)		
	Hạng mục công trình (thiết kế)		
	Thư viện, học liệu		
	Hệ thống hạ tầng CNTT		
2. Đội ngũ CBGV			
	Số lượng, trình độ		
	Tỷ lệ SV/GV		
3. Hoạt động đào tạo			
	Quy mô, ngành nghề, trình độ đào tạo		
	Chương trình đào tạo (mức độ cập nhật, khối lượng kiến thức, công cụ và phương pháp đánh giá)		
	Kết quả đào tạo (Tỉ lệ tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình, tỉ lệ thôi học, học lại)		
4. Hoạt động nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế			
	Loại hình và khối lượng nghiên cứu khoa học của giảng viên		
	Loại hình và khối lượng nghiên cứu khoa học của người học		
	Loại hình và số lượng các công trình công bố khoa học		
	Loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ		
	Kết quả nghiên cứu sáng tạo		
	Hợp tác quốc tế: hợp tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và trao đổi sinh viên		

5. Tài chính			
Đảm bảo nguồn chi thường xuyên			
Đảm bảo thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách			
Thực hiện đúng quy định của pháp luật về tài chính, kế toán			
Phân bổ kinh phí cho từng loại hoạt động nghiên cứu			
6. Hoạt động kết nối, cung cấp dịch vụ, chuyên giao công nghệ			
Tỉ lệ có việc làm của người học sau 1 năm tốt nghiệp, tỷ lệ người học đóng góp cho sự phát triển KT-XH của địa phương và cả nước sau khi tốt nghiệp.			
Mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của người học tốt nghiệp			
Hình thức và số lượng các hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng			
Tác động, kết quả các hoạt động kết nối phục vụ cộng đồng			
7. Kết quả thực hiện			
Kết quả và các chỉ số thị trường của các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, kết nối và phục vụ cộng đồng.			

Điều 6. Đối tác thực hiện đối sánh

1. Tiêu chí lựa chọn cơ sở giáo dục để đối sánh

- Cơ sở giáo dục trong nước: Là CSGD đại học trong hệ thống giáo dục quốc dân, có các trường có đặc điểm sau:

+ Thuộc loại hình trường đại học công lập đã được kiểm định thành công theo tiêu chuẩn quốc tế hoặc theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Có sự tương đồng về: địa lý, qui mô giảng viên, người học, trình độ, ngành đào tạo và sẵn sàng chia sẻ thông tin chính thức phục vụ đối sánh.

- Cơ sở giáo dục ngoài nước: Là cơ sở giáo dục đại học của nước ngoài trong đó ưu tiên chọn các trường có đặc điểm sau:

+ Là cơ sở giáo dục đại học thuộc khu vực ASEAN; ưu tiên trường tham gia Mạng lưới các trường đại học Đông Nam Á- AUN hoặc các trường nằm trong bảng xếp hạng thế giới top 1000, top 500 trong bảng xếp hạng Châu Á.

+ Có sự tương đồng về: quy mô giảng viên, người học, trình độ, ngành đào tạo và sẵn sàng chia sẻ thông tin chính thức phục vụ đối sánh.

2. Tiêu chí lựa chọn chương trình đào tạo để đối sánh

- Nếu chọn chương trình đào tạo để đối sánh trong nước thì chương trình đào tạo được đối sánh phải được kiểm định thành công theo tiêu chuẩn quốc tế hoặc theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Nếu chọn chương trình đào tạo để đối sánh ngoài nước thì chương trình đào tạo được đối sánh phải thuộc các cơ sở giáo dục nằm trong khu vực ASEAN; ưu tiên trường tham gia Mạng lưới các trường đại học Đông Nam Á- AUN hoặc các trường nằm trong bảng xếp hạng thế giới top 1000, top 500 trong bảng xếp hạng Châu Á. Có sự tương đồng về (quy mô giảng viên, người học, trình độ, ngành đào tạo và sẵn sàng chia sẻ thông tin chính thức phục vụ đối sánh).

Điều 7. Quy trình thực hiện đối sánh

- Đối sánh nội bộ

+ Bước 1: Các đơn vị xác định cách thức thu thập số liệu của năm học vừa qua đối với các nội dung đối chiếu nội bộ; cần có sự phân tích, kiểm dò số liệu trước khi thực hiện đối chiếu. Thời hạn hoàn thành: Trước 30/6 hàng năm.

+ Bước 2: Đơn vị, cá nhân được giao tiến hành thu thập, phân tích, đánh giá, thống kê (*theo phụ lục đính kèm*). Toàn bộ biểu mẫu kèm file số liệu chuyển đến Phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng để tổng hợp. Thời hạn hoàn thành: Trước ngày 15/7 hàng năm.

+ Bước 3: Phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng tổng hợp số liệu toàn trường, phân loại và lập bảng tổng hợp các chỉ số, báo cáo Ban Giám hiệu.

+ Bước 4: Ban Giám hiệu phê duyệt số liệu.

+ Bước 5: Tổ chức phiên họp đối sánh với tất cả các đơn vị liên quan. Thời hạn hoàn thành: Trước 15/7 hàng năm.

+ Bước 6: Các đơn vị đề xuất cải tiến nội dung cần thiết.

+ Bước 7: Trình Ban Giám hiệu phê duyệt.

+ Bước 8: Triển khai thực hiện kế hoạch cải tiến được phê duyệt

- Đối sánh ngoài

+ Bước 1: Các phòng, Ban, Khoa, Trung tâm, Đoàn thể, xác định các đối tác và cách thức thu thập số liệu về nội dung đối sánh trình Ban Giám hiệu.

+ Bước 2: Ban Giám hiệu xem xét quyết định đối tác.

+ Bước 3: Các đơn vị được giao nhiệm vụ dự thảo văn bản liên hệ với đối tác về việc thực hiện đối sánh ngoài.

+ Bước 4: Sau khi thống nhất với đối tác, các đơn vị được giao nhiệm vụ tiến hành thu thập số liệu theo các nội dung đối sánh (*theo phụ lục đính kèm*).

+ Bước 5: Ban Giám hiệu phê duyệt tất cả các số liệu trước khi đối sánh.

+ Bước 6: Ban Giám hiệu, các đơn vị, cá nhân tham gia làm việc với đối tác thực hiện đối sánh các nội dung.

+ Bước 7: Xây dựng kế hoạch cải tiến: Căn cứ kết quả đối sánh ngoài, các đơn vị xây dựng kế hoạch cải tiến các nội dung cần thiết, trình Ban Giám hiệu phê duyệt trước khi thực hiện.

+ Bước 8: Ban Giám hiệu phê duyệt các kế hoạch cải tiến theo từng đơn vị để triển khai thực hiện.

Điều 8. Rà soát, cải tiến

Hàng năm sau khi hoàn thành thực hiện đối sánh, căn cứ vào kết quả đối sánh và việc sử dụng kết quả, toàn bộ nội dung, đối tác, quy trình thực hiện được

rà soát, cập nhật, điều chỉnh và cải tiến khi cần thiết Quy trình rà soát cải tiến như sau:

+ Bước 1: Phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng phối hợp với các đơn vị chức năng được phân công để dự thảo báo cáo thực hiện đối sánh.

+ Bước 2: Ban Giám hiệu xem xét dự thảo báo cáo, quyết định thời gian tổ chức họp rà soát, cải tiến.

+ Bước 3: Phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng là đầu mối tổ chức họp thường trực Hội đồng ĐBCL để tổng kết, rà soát, cải tiến về đối sánh, đề ra các nội dung cải tiến.

+ Bước 4: Triển khai thực hiện các nội dung cải tiến.

Chương III **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 9. Bảo mật số liệu

Tất cả cá số liệu, tài liệu đối sánh đều phải được bảo mật và được sử dụng theo kế hoạch đã phê duyệt. Tài liệu gốc của từng đợt đối sánh được niêm phong và lưu giữ nơi an toàn; file số liệu đều phải được cài đặt mật khẩu. Các đơn vị cá nhân không được tự ý cung cấp số liệu đối sánh cho bất cứ tổ chức cá nhân nào khi chưa có phê duyệt của Ban Giám hiệu.

Điều 10. Trách nhiệm của các đơn vị

Các đơn vị có trách nhiệm triển khai quy định này đến toàn bộ cán bộ giảng viên biết.

Phân công chuẩn bị số liệu cho các nội dung đối sánh như sau:

- Về cơ sở vật chất: Phòng Quản trị thiết bị và Trung tâm Thông tin thư viện phụ trách.

- Về đội ngũ CBGV: Phòng Tổ chức cán bộ phụ trách.

- Về hoạt động đào tạo: Phòng Quản lý đào tạo phụ trách.

- Về hoạt động nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế, chuyển giao công nghệ: Phòng Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế phụ trách.

- Về tài chính: Phòng Tài chính kế toán phụ trách

- Về hoạt động kết nối, cung cấp dịch vụ: Phòng Công tác sinh viên, Phòng Hành chính tổng hợp, các Trung tâm, Công đoàn, Đoàn thanh niên phối hợp thực hiện.

- Về kết quả thực hiện: Phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng là đầu mối, kết hợp với các phòng (Quản lý đào tạo, Tài chính kế toán, Quản lý khoa học và hợp tác quốc tế, Công tác sinh viên) và các Trung tâm.

Điều 11. Xử lý vi phạm

Đơn vị, cá nhân vi phạm trong quá trình tổ chức thực hiện quy định này, căn cứ mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định của Pháp luật và của Nhà trường.

Trong quá trình thực hiện, Quy định này có thể được điều chỉnh, sửa đổi cho phù hợp. Việc sửa đổi, bổ sung do Hiệu trưởng Nhà trường xem xét, quyết định trên cơ sở đề nghị của Trưởng phòng KT&QLCL./.

Phụ lục

MẪU BÁO CÁO KẾT QUẢ SO CHUẨN, ĐỐI SÁNH

(Kèm theo Quyết định số 424./QĐ-ĐHTCQTKD ngày 26... tháng 8... năm 2020 của Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH
ĐƠN VỊ:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hưng Yên, ngày tháng năm 20.....

BÁO CÁO

Kết quả so chuẩn, đối sánh giữa Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh và các đối tác, năm học 20...-20...

I. Những thuận lợi, khó khăn trong quá trình thực hiện

II. Kết quả đối sánh các tiêu chí với đối tác

1. Bộ máy, nhân sự (tính đến thời điểm....)

TT	Tiêu chí	ĐH TCQTKD	ĐH	Độ lệch (+, =, -)	ĐH	Độ lệch (+, =,-)
1	Tỷ lệ giảng viên/sinh viên					
2	Tỷ lệ nhân viên/sinh viên					
.....						

2. Hoạt động đào tạo

TT	Tiêu chí	ĐH TCQTKD	ĐH	Độ lệch (+, =, -)	ĐH	Độ lệch (+, =,-)
					

3. Nghiên cứu khoa học

TT	Tiêu chí	ĐH TCQTKD	ĐH	Độ lệch (+, =, -)	ĐH	Độ lệch (+, =,-)
					

4. Cơ sở vật chất

TT	Tiêu chí	ĐH TCQTKD	ĐH	Độ lệch (+, =, -)	ĐH	Độ lệch (+, =,-)
					

5. Tài chính

TT	Tiêu chí	ĐH TCQTKD	ĐH	Độ lệch (+, =, -)	ĐH	Độ lệch (+, =,-)
					

6. Kết nối và phục vụ cộng đồng

TT	Tiêu chí	ĐH TCQTKD	ĐH	Độ lệch (+, =, -)	ĐH	Độ lệch (+, =,-)
					

Ghi chú: Dấu cộng (+) trước tỷ lệ, khối lượng,...: thể hiện độ lệch cao hơn ĐHTCQTKD của đối tác; Dấu trừ (-) thể hiện độ lệch về hiệu quả thấp hơn; Dấu bằng (=) là tương đương.

III. Đánh giá chung

1. Mặt mạnh

(Trong đó có nội dung phân tích được sự cải tiến ở điểm nào)

2. Hạn chế

IV. Phương hướng khắc phục trong năm học tới

Trên đây là Báo cáo kết quả so chuẩn, đối sánh của năm học 20... -20.... giữa Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh và các đối tác, cũng như phương hướng hành động của Nhà trường trong năm học sau./.

Nơi nhận:

- BGH;
- Phòng KT&QLCL;

TRƯỞNG ĐƠN VỊ